

Nhận diện cổ mẫu trong thơ Xuân Quỳnh

Phạm Khánh Duy
Trường Đại học Cần Thơ

TÓM TẮT

Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ tiêu biểu trên thi đàn Việt Nam hiện đại. Thơ Xuân Quỳnh từ khi ra đời cho đến nay đã chiếm trọn trái tim của nhiều người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Bên cạnh những nội dung phong phú, thơ Xuân Quỳnh còn mở ra thế giới nghệ thuật độc đáo, ẩn giấu nhiều ký hiệu, biểu tượng, đặc biệt là hệ thống cổ mẫu. Nhận thấy sự xuất hiện của cổ mẫu trong thơ Xuân Quỳnh, trong bài báo này, chúng tôi đã nhận diện, phân tích giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mỹ của một số cổ mẫu trong thơ Xuân Quỳnh. Trong số các cổ mẫu hiện hữu, chúng tôi lựa chọn và giải mã ba cổ mẫu tiêu biểu là: nước, đất và người mẹ/người phụ nữ. Thông qua đây, chúng tôi có cơ sở vững chắc để khẳng định giá trị to lớn của thơ Xuân Quỳnh.

Từ khóa: cổ mẫu, phê bình cổ mẫu, thơ ca, Xuân Quỳnh

1. MỞ ĐẦU

Cổ mẫu là một trong những “cành nhánh” rẽ ra từ “cây” phân tâm học - học thuyết ra đời và phát triển vào đầu thế kỷ XX. Từ phát hiện quý giá của Carl Jung, cổ mẫu phát triển thành lý thuyết độc lập, hình thành nên khuynh hướng phê bình cổ mẫu. Sự xuất hiện của phê bình cổ mẫu khiến giới nghiên cứu trở nên sôi động hơn, nhiều nhà nghiên cứu đã ứng dụng thành công lý thuyết này để truy tìm những vết tích đầu tiên trong ký ức nhân loại hiện hữu trong tác phẩm văn học (đặc biệt là văn học hiện đại). Hai trong số những thành tựu nổi bật ban đầu của phê bình cổ mẫu là *Những kiểu cổ mẫu trong thơ* (Archetypal Patterns in Poetry, 1934) của Maud Bodkin, *Giải phẫu phê bình* (Anatomy of Criticism, 1957) của Northrop Frye. Ở Việt Nam, ngay sau khi lý thuyết cổ mẫu (cùng với lý thuyết phân tâm học) du nhập vào, một số ít các nhà nghiên cứu đã tiếp cận và ứng dụng giải mã tác phẩm văn học. Cổ mẫu được Đỗ Lai Thúy nhắc đến trong chuyên đề *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật* (2000) và *Phân tâm học và văn hóa tâm linh* (2002). Ngoài ra, có thể kể đến Đào Ngọc Chương với bài nghiên cứu *Cái bóng như một cổ mẫu* in trong quyển *Phê bình huyền thoại* (2008), Nguyễn Thị Thanh Xuân với các công trình như *Đi tìm cổ mẫu trong văn học Việt Nam* in trong quyển *Huyền thoại và văn chương* (2007), *Phê bình cổ mẫu và cổ mẫu nước trong văn chương Việt Nam* in trong quyển *Nghiên cứu văn học Việt Nam - Những khả năng và thách thức* (2009),...

Bên cạnh mục đích quan trọng nhất là phát hiện vết tích của quá khứ, phê bình cổ mẫu còn giúp người nghiên cứu khám phá chiều sâu của tác phẩm văn chương, đặt tác phẩm dưới những góc nhìn khác nhau như tâm lý học, văn hóa học và nhân học. Khi nhận diện và giải mã cổ mẫu, người nghiên cứu thấy được cội nguồn của dân tộc và tâm thức nhân loại, đặc biệt là sự giao thoa nhuần nhuyễn giữa văn học Việt Nam và văn học thế giới tạo nên tính đa dạng trong tác phẩm. Mặc dù đem lại nhiều ý nghĩa (cả về khoa học lẫn thực tiễn), song có vẻ như phê bình cổ mẫu vẫn còn khá xa lạ đối với giới nghiên cứu Việt Nam. Những công trình nghiên cứu cổ mẫu trong văn học Việt Nam vẫn còn hiếm hoi hoặc chưa có sự đầu tư kỹ càng. Vì thế, hướng tiếp cận tác phẩm từ góc nhìn phê bình cổ mẫu là hướng tiếp cận cần thiết trong bối cảnh nghiên cứu văn học hôm nay.

Đọc thơ Xuân Quỳnh, chúng tôi nhận ra sự tái sinh mạnh mẽ của nhiều cổ mẫu vốn dĩ đã hiện hữu từ xa xưa trong các câu chuyện thần thoại, cổ tích, trong những sản phẩm tưởng tượng của con người. Xuân Quỳnh đã làm sống lại một vài cổ mẫu tiêu biểu trong kho tàng cổ mẫu quý giá vốn tồn tại trong tâm thức nhân loại. Thực tế đã có nhiều công trình nghiên cứu về thơ Xuân Quỳnh từ những góc nhìn khác nhau như góc nhìn văn hóa, góc nhìn thể loại,... nhưng chưa có công trình nào soi chiếu thơ Xuân Quỳnh dưới ánh sáng của lý thuyết phê bình cổ mẫu. Trong bài báo này, chúng tôi tiến hành đọc cổ mẫu trong thơ Xuân

Tác giả liên hệ: ThS. Phạm Khánh Duy
Email: duygiangviennguvan@gmail.com

Quỳnh để nhận ra những tàng tích văn hóa dân gian, tinh thần vô thức tập thể... và khẳng định mối quan hệ giữa văn học hiện đại với văn học dân gian, văn học Việt Nam và văn học thế giới.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Lý thuyết cổ mẫu

Cổ mẫu (Archetype) là thuật ngữ do nhà phân tâm học người Thụy Sĩ Carl Jung (1875 - 1961) khởi xướng. Nó được hiểu là những “biểu tượng lớn” có cội nguồn từ xa xưa, thoát thai từ vô thức tập thể - nơi lưu trữ kinh nghiệm của loài người. Khác với Sigmund Freud, Carl Jung đã phân chia thế giới tâm thần của con người ra thành ba tầng bậc, bao gồm: nhân cách ý thức, vô thức cá nhân và vô thức tập thể. Ở tầng bậc thứ ba (vô thức tập thể), Carl Jung “khám phá thế giới của con người cổ xưa bên trong” [1, tr.80] thông qua những cổ mẫu. Anthony Stevens dựa trên quan điểm của Carl Jung, cho rằng: “Cổ mẫu là ‘những cấu trúc tinh thần đồng nhất mà tất cả đều có’ (Toàn tập V, đoạn 224), cùng nhau tạo thành ‘sự kế thừa cổ xưa của nhân loại’ (Toàn tập V, đoạn 259)” [1, tr.81]. Carl Jung nhấn mạnh: “Có đủ lý do để cho rằng các cổ mẫu là những hình ảnh vô thức của chính các bản năng, hay nói theo cách khác, đó là những hình thức của các hành vi bản năng” [2, tr.38]. Trong công trình Jung đã thực sự nói gì, Edward Amstrong Bennet có cách lý giải đơn giản hơn về cổ mẫu: “những hình thức nguyên thủy hay là những nguyên mẫu mà từ chúng những bản sao được thực hiện” [3, tr.77-78]. Cổ mẫu được sinh ra từ những ý nghĩ, hình ảnh, thành tố thần thoại, cảm xúc và ý tưởng tương tự ở con người, không phân biệt giai cấp, chủng tộc, khu vực địa lý, thời đại lịch sử.

Để có cái nhìn cụ thể về cổ mẫu, có thể đặt nó trong mối liên hệ xưa - nay. Thời xa xưa, trong tâm thức nguyên thủy của những người đầu tiên ở một khu vực, quốc gia hay rộng hơn là trên khắp Trái Đất đã sáng tạo nên những “biểu tượng lớn” khơi nguồn từ cảm hứng tự nhiên, vũ trụ. Người nguyên thủy đã thổi vào “biểu tượng lớn” những câu chuyện linh thiêng, kỳ bí, thậm chí ma mị, hoang đường, nhằm lý giải các hiện tượng tự nhiên, xã hội và phục vụ cho đời sống tinh thần. Theo thời gian, những “biểu tượng lớn” ấy không mất đi mà liên tục tái sinh trong những loại hình khác nhau: điêu khắc, hội họa, văn học... Dù ở bất kỳ loại hình nào, những “biểu tượng lớn” mà Carl Jung đã gọi bằng thuật ngữ chính thức là Archetype (cổ mẫu, nguyên mẫu, nguyên tượng, siêu mẫu...) cũng mang những ý nghĩa ban sơ mà

người nguyên thủy nghĩ ra. Về mối quan hệ giữa cổ mẫu, huyền thoại và văn chương, trong bài viết *Đi tìm cổ mẫu trong văn học Việt Nam*, Nguyễn Thị Thanh Xuân cho rằng: “Có mặt trong huyền thoại và rồi lại tái sinh, hóa thân trong tác phẩm văn học thành văn nhiều thế kỷ, cho đến nay, cổ mẫu đã có một hành trình rất dài cùng nhân loại” [4, tr.281]. Trong văn học đương đại Việt Nam, cổ mẫu hiện diện phong phú, có thể đó là mẫu gốc hoặc những dạng thức khác khởi phát từ mẫu gốc.

2.2. Lý thuyết phê bình cổ mẫu

Từ cổ mẫu, Carl Jung đã mạnh dạn đưa ra lý thuyết phê bình cổ mẫu (Archetypal Criticism) - một nhánh của phê bình huyền thoại, thuộc lãnh địa của phương pháp phê bình phân tâm học văn bản. Các nhà nghiên cứu văn chương đã hóa thân thành “nhà khảo cổ” để đi tìm dấu ấn của quá khứ, những vết tích xa xưa còn sót lại của người nguyên thủy trong các tác phẩm văn học. Phê bình cổ mẫu lập tức thu hút đông đảo các nhà nghiên cứu, họ phát hiện ra nhiều cổ mẫu ẩn náu trong văn chương các thời kỳ, đồng thời nỗ lực giải mã những cổ mẫu đó để nhận ra sự giao thoa tư duy con người trong quá khứ và trong hiện tại. Trong bài nghiên cứu *Bí ẩn của những siêu mẫu* in trong quyển *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật* của nhóm tác giả Freud, Jung, Bachelard, Tucci và Dundee, nhà phân tâm học Carl Jung cho rằng: “Tác phẩm hiện ra trước chúng ta là hình tượng được chế tác hiểu theo nghĩa rộng nhất của từ này. Hình tượng này có thể phân tích được chừng nào chúng ta có khả năng nhận biết biểu tượng trong nó. Ngược lại, khi ta không đủ sức khám phá ý nghĩa biểu tượng của nó, vậy là ta thừa nhận rằng ít nhất đối với chúng, ý nghĩa của tác phẩm chỉ là ở cái nó nói ra một cách rõ rệt, hay nói cách khác, nó đối với ta chỉ là cái nó có vẻ thế” [5, tr.77]. Carl Jung đã ngầm chỉ ra tinh thần của phê bình cổ mẫu: giải mã ý nghĩa của hình tượng, biểu tượng để nhận diện cổ mẫu trong tác phẩm.

Trong quyển *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Shoeller khẳng định: “Sẽ là quá ít, nếu nói rằng chúng ta sống trong một thế giới biểu tượng, một thế giới biểu tượng sống trong chúng ta” [6, tr.2]. Có thể hiểu rằng, vì sự đa dạng nên mỗi cổ mẫu mang những ý nghĩa biểu tượng khác nhau. Khi nghiên cứu cổ mẫu, chúng ta không nên gán ghép cổ mẫu với bất kỳ nội dung cụ thể nào, bởi lẽ khi tồn tại dưới dạng ngôn từ nghệ thuật, cổ mẫu đã rời khỏi đời sống nguyên thủy và mang trên mình vỏ bọc mới. Nhiệm vụ quan trọng của người

nguyên cứu cổ mẫu là nhận diện nó một cách chính xác (có thực sự là cổ mẫu hay không) và phát hiện những lớp nghĩa, những trầm tích ẩn sâu dưới mỗi cổ mẫu. Tác giả Nguyễn Thị Thanh Xuân khẳng định: *“Vốn là một xu hướng khởi đi từ phân tâm học, phê bình cổ mẫu hình thành trong tinh thần dung hợp cởi mở các thành tựu khác (văn hóa học, nhân học, lý thuyết về người đọc,...). Đề cao tính trải nghiệm và khước từ việc đưa ra mô hình, những công trình của các nhà phê bình cổ mẫu thường như là một tìm tòi dò dẫm đầy cảm hứng mang tính cá nhân”* [7, tr.180]. Nhận định của Nguyễn Thanh Xuân có phần tương đồng với Shoeller, theo tác giả này, chúng ta không có một “quy chuẩn” nào để nhà nghiên cứu bám sát và tiến hành phê bình cổ mẫu. Hướng nghiên cứu này “*đề cao tính trải nghiệm*” của người nghiên cứu mà quan trọng hơn hết là nguồn cảm hứng bất tận và sự tò mò khơi dậy những vết tích của quá khứ tồn đọng trong văn chương hiện đại.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Xuân Quỳnh (1942 - 1988) là một trong những nữ thi sĩ tiêu biểu trưởng thành trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tên thật của bà là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, quê ở xã La Khê, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây. Trước khi bén duyên với thơ ca, Xuân Quỳnh từng làm nhiều công việc như: diễn viên múa ở đoàn Văn công nhân dân Trung ương, biên tập viên báo *Văn Nghệ*, biên tập viên tại Nhà xuất bản *Tác phẩm mới*,... Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của người con gái nhạy cảm, đầy khát vọng, tiếng thơ “*của một cánh chuồn chuồn bay tìm chỗ nương thân trong nắng nôi giông bão của cuộc đời*” [7, tr.130], song cũng đầy những ưu tư, trăn trở. Hành trình sáng tác văn chương của Xuân Quỳnh có phần ngắn ngủi nhưng bà đã để lại nhiều tập thơ có giá trị, tiêu biểu là *Tơ tằm - chồi biếc* (in chung), *Hoa dọc chiến hào*, *Gió Lào cát trắng*, *Lời ru trên mặt đất*,... và nhiều tập truyện dành riêng cho thiếu nhi.

Trong thơ Xuân Quỳnh có sự xuất hiện của rất nhiều cổ mẫu. Giữa hình tượng, biểu tượng và cổ mẫu là một ranh giới nhòe. Cổ mẫu len lỏi trong những biểu tượng, hình tượng, đôi khi chúng bị khuất lấp hoặc bị đánh đồng là hình tượng, biểu tượng. Trong số 48 bài thơ của Xuân Quỳnh được khảo sát (bao gồm những sáng tác trải dài từ năm 1965 đến năm 1988 nằm rải rác ở 7 tập thơ trong sự nghiệp sáng tác của Xuân Quỳnh), chúng tôi nhận ra bóng dáng của ba cổ mẫu: nước, đất và

người mẹ/người phụ nữ. Ứng dụng lý thuyết cổ mẫu và phê bình cổ mẫu để xác định, phân loại, số liệu mà chúng tôi thu thập được như sau: 10 bài thơ có sự xuất hiện của cổ mẫu nước, 11 bài thơ có sự xuất hiện của cổ mẫu đất và 12 bài thơ có sự xuất hiện của cổ mẫu người mẹ/người phụ nữ. Ở những trường hợp trên, nước, đất, người mẹ/người phụ nữ đích thực là những cổ mẫu thoát thai từ vô thức cộng đồng, chứa đựng những ý nghĩa phổ quát. Thông qua đó, Xuân Quỳnh đã thể hiện những quan điểm, tư tưởng cũng như những nhận thức về hiện thực cuộc sống, về con người và về chính mình.

3.1. Cổ mẫu nước

Trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, cổ mẫu nước bước ra từ huyền thoại, thoát thai từ những câu chuyện dân gian. Trong quyển *Thần thoại Hy Lạp* (Nguyễn Văn Khỏa dịch và giới thiệu) có nhắc đến câu chuyện về Poséidon và các thần biển như Pontos, Nereee, Protee,... Ở những câu chuyện thần thoại đó, nước được người xưa tạo dựng như một không gian mệnh mông huyền bí gắn liền với các vị thần có sức mạnh vô biên. Đối với người Việt Nam, từ xa xưa, cặp hình ảnh đối sánh (cũng là cặp cổ mẫu) đất - nước đã hiện hữu rất nhiều trong văn chương. Văn học dân gian là sản phẩm của trí tưởng tượng con người Việt Nam thuở ban đầu. Cảm nhận của người nguyên thủy về thế giới tự nhiên (trong đó có nước) có phần ngô nghê, nhuộm màu sắc hoang đường và không có cơ sở khoa học. Tuy vậy, những cảm nhận ban sơ đó vô tình đã biến các đối tượng tự nhiên trở thành những cổ mẫu có sức sống mãnh liệt đến tận bây giờ. Vô thức cộng đồng người nguyên thủy đã tạo ra nước như một “biểu tượng lớn” hiện hữu trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường, thần thoại *Con Rồng cháu Tiên*, truyền thuyết *Sơn Tinh Thủy Tinh*, truyện cổ tích *Tấm Cám* (qua biến tính nước sôi),... Cổ mẫu nước trong mỗi câu chuyện huyền thoại mang những ý nghĩa khác nhau, nó có thể biểu hiện cho sự sinh sôi mãnh liệt, sự hủy diệt, sự chia cách tương tàn, sự thanh tẩy gột rửa,... Không phải lúc nào cổ mẫu nước cũng tồn tại ở dạng nguyên bản (mẫu gốc: nước) mà hiện ra với những dạng thức phong phú, phát sinh từ mẫu gốc. Nguyễn Thị Thanh Xuân khẳng định: *“Trong suy tưởng về Nước, văn chương Việt Nam thường thích nắm bắt Nước trong những hình thái rõ rệt: Biển, Sông, Suối, Đầm, Giếng, nhưng đôi khi Nước cũng được thể hiện như là chính nó, từ trời rơi xuống, từ đất bốc lên, nghĩa là chạm đến cái luân chuyển linh hoạt*

kỳ diệu của Nước như là sự giao hòa trong vũ trụ" [7, tr.292]. Đó chính là con đường mà cổ mẫu nước đi vào trong văn chương hiện đại.

Nước là cổ mẫu chung của nhân loại, nằm trong kho tàng cổ mẫu quý giá của người Việt Nam. Trong thơ Xuân Quỳnh, cổ mẫu nước đã tái sinh dưới dạng hình thái phát sinh như sông, sóng, biển, mưa, sương... Trong số những cổ mẫu này, sông và biển có lẽ là hai cổ mẫu có mặt nhiều nhất ở 10 bài thơ mà chúng tôi phát hiện có sự dẫn thân của cổ mẫu nước. Những dòng sông mà chúng tôi xác định là cổ mẫu trong thơ Xuân Quỳnh nói riêng và trong văn học hiện đại Việt Nam nói chung bắt nguồn từ những con sông đầu tiên chảy trong huyền thoại trên đất Việt. Đó là *Sông Khàn - bến Khạn* nằm trên đường xuống Mường Pura mà người chết sẽ phải vượt qua để được lên trời trong câu chuyện dân gian của người Mường (Không Khan - Pên Khạn), dòng sông của nguồn cội trong câu ca dao trữ tình của dân tộc: *"Con người có tổ có tông/Như cây có cội, như sông có nguồn"*,... Nhiều dòng sông trong trang thơ của Xuân Quỳnh mang màu sắc của huyền thoại. Những con sông trong huyền thoại đã vượt qua được sự thách thức của thời gian và trở mình trên trang viết hôm nay. Đó là cả một quá trình, là minh chứng cho sức sống của cổ mẫu trong kho tàng văn hóa của dân tộc. Cổ mẫu sông hiện hữu một lần trong bài thơ *Sóng*, qua câu thơ: *"Sông không hiểu nổi mình"* (*Sóng*) [8, tr.311]. Sông trong trường hợp này là biểu tượng của lòng người. Đặc tính của sông (trong thế đối sánh với biển) là chật hẹp, bị khung lại bởi hai bờ đất. Trên dòng sông đó, con sóng (là cái biểu đạt - *Signifier* - của tâm hồn người con gái đang yêu) chấp nhận từ bỏ nơi chật chội, ích kỷ, thiếu sự bao dung... để tìm đến một không gian lớn lao hơn: biển. Xuân Quỳnh đã tái thiết cổ mẫu sông trong câu thơ trên, cũng như dòng sông ngấm trong toàn bộ bài thơ *Sóng*. Nó mang ý nghĩa khởi thủy (sự bắt đầu) của một hành trình, bình dị, gần gũi và mang trong mình căn tính nữ (*Anima*). Sự trở đi trở lại với tần suất cao của cổ mẫu sông với ý nghĩa khởi đầu của một hành trình hoặc một hành trình, chẳng hạn: *"Con tàu với dòng sông/Ra đi và trở lại"* (*Sân ga chiều em đi*) [9, tr.70], *"Đã thương mấy núi cũng trèo/Mấy sông, mấy biển, mấy đèo cũng qua"* (*Tình ca trong lòng vịnh*) [10, tr.32], *"Một dòng sông lặng lẽ chảy về xa"* (*Hoa cúc xanh*) [10, tr.38],... Dòng sông trong những trường hợp này không chỉ là cổ mẫu tự nhiên mà còn là cổ mẫu hành trình. Cổ mẫu, biểu tượng "hành trình" theo

lý giải của Jean Chevalier và Alain Gheerbrant là: *"sự biểu đạt một ước muốn sâu sắc về những chuyến biến nội tâm, một nhu cầu về những trải nghiệm mới, hơn là một sự di chuyển cục bộ"* [11, tr.386]. Carl Jung từng đưa ra quan điểm, để thoát khỏi tình trạng không thỏa mãn, con người có nhu cầu tìm kiếm một chân trời mới. Luận điểm này là "chìa khóa" để đi sâu vào giải mã cổ mẫu "hành trình", tìm hiểu, cắt nghĩa thế giới nội tâm của Xuân Quỳnh. Mai Hương và Lưu Khánh Thơ cho rằng: *"Độc thơ tình của Xuân Quỳnh, ta bắt gặp tâm trạng của một con người nhiều yêu thương, tinh tế, nhưng luôn luôn có những lo âu, trăn trở. Cái tôi của nhà thơ hạnh phúc, nhưng không hề bình yên thỏa mãn. Cái tôi đó luôn luôn ở trong trạng thái xao động, đang chờ đợi, đang băn khoăn"* [12, tr.39]. Cổ mẫu dòng sông được tái tạo trong thơ với ý nghĩa ra đi, dẫn thân của nhà thơ, khát khao tìm đến một vùng đất mới chính là cách để nhà thơ chạy khỏi thực tại bộn bề với những âu lo, phấp phỏng.

Cổ mẫu biển cũng là một dạng thức phát sinh của cổ mẫu nước âm ỉ sống trong những bài thơ: *Sóng, Thuyền và biển, Chuyện cổ tích về loài người, Tình ca trong lòng vịnh, Mùa hạ*,... Đó là những biểu tượng lớn ban đầu xuất phát từ những thần thoại, truyền thuyết, cổ tích như: *Con Rồng cháu Tiên* (biển cả là nơi ở của thần mình Rồng: Lạc Long Quân), *Mỵ Châu - Trọng Thủy* (biển cả là nơi ở của Thần Kim Quy, nơi Rùa Vàng rẽ nước để An Dương Vương đi),... Trong cái nhìn của Xuân Quỳnh, một người phụ nữ khao khát yêu và cháy hết mình trong tình yêu, cổ mẫu biển tượng trưng cho tình yêu đúng nghĩa, nồng cháy mà người con gái nỗ lực đi tìm: *"Em nghĩ về biển lớn"*, *"Giữa biển lớn tình yêu/Để ngàn năm còn vỗ"* (*Sóng*) [13, tr.7]. Biển được Xuân Quỳnh kể lại như một huyền thoại về tình yêu (cùng với thuyền) bằng giọng điệu thủ thỉ, tâm tình trong bài thơ *Thuyền và biển*: *"Từ ngày nào chẳng biết/Thuyền nghe lời biển khơi/Cánh hải âu, sóng biển/Đưa thuyền đi muôn nơi"* [13, tr.9]. Ở bài thơ này, Xuân Quỳnh đặc biệt chú ý đến hình thức xuất hiện cổ mẫu biển. Mỗi khổ thơ như được phân cách bởi một trục đối xứng, một bên thuyền, một bên biển, hiện hữu như hai nhân vật trữ tình lúc xoắn cuộn vào nhau, lúc phân đôi ra: *"Những đêm trăng hiền từ/Biển như cô gái nhỏ/Thầm thì gửi tâm tư/Quanh mạn thuyền sóng vỗ/Cũng có khi vô cớ/Biển ào ạt xô thuyền..."* (*Thuyền và biển*) [14, tr.10]. Biển (và thuyền) là những cái biểu đạt để Xuân Quỳnh nói về sự gắn

bó, hòa quyện của hai trái tim yêu, những cảm xúc thường thấy trong tình yêu. Cổ mẫu biển gắn chặt với tình yêu của chủ thể trữ tình đẹp như một huyền thoại. Nhưng cũng có khi cổ mẫu biển lại mang ý nghĩa của sự tách chia, xa cách trong tình yêu. Điều này gợi liên tưởng đến thần thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ, người ở dưới nước, người ở trên non, biển (cùng với núi) đã chia tách họ làm hai, cổ mẫu biển mang ý nghĩa ngăn đôi, phân ly đôi lứa. Nhận ra điều đó, trong thơ Xuân Quỳnh, biển trở thành đối tượng để chủ thể trữ tình giận hờn, buồn tủi vì đã ngăn cấm mọi ước muốn, khiến chủ thể trữ tình rơi vào trạng thái hụt hẫng, xót xa: *"Một bên biển, một bên anh/Em yêu giây phút chúng mình có nhau"* (*Tình ca trong lòng vịnh*) [15, tr.77]. Sự chia tách cũng chính là "phép thử" trong tình yêu. Bao giờ người đọc cũng nhận ra sự nỗ lực vượt qua ranh giới chia tách ấy của chủ thể trữ tình để cuối cùng Xuân Quỳnh vẫn hướng đến một tình yêu viên mãn: *"Ngàn xưa cho tới mai sau/Vịnh xanh như buổi ban đầu tình yêu"* (*Tình ca trong lòng vịnh*) [15, tr.77]. Mặt khác, cổ mẫu biển trong thơ Xuân Quỳnh còn mang ý nghĩa của sự sinh sôi phát triển. Tầng nghĩa này xuất phát từ những câu ca dao, tục ngữ của người xưa ngợi ca sự giàu đẹp, sự phát triển không ngừng của biển cả nói riêng, của tự nhiên nói chung: *"Sông sâu mà biển cũng sâu/Muốn ăn cá lớn rong câu cho dài"* (*Ca dao*), *"Đố ai tát bể Đông Khê/Tát sông Bồ Đề, nhổ mạ cấy chiêm"* (*Ca dao*),... Biển (và thiên nhiên) làm nền tảng vững chắc cho sự phát triển của loài người: *"Biển có từ thuở đó/Biển thì cho ý nghĩ/Biển sinh cá sinh tôm/Biển sinh những cánh buồm/Cho trẻ con đi khắp"* (*Chuyện cổ tích về loài người*) [15, tr.48]. Tứ thơ đẹp và đầy sáng tạo, phảng phất hơi thở của cổ tích. Rõ ràng, hệ cổ mẫu (trong đó có cổ mẫu biển) và sự tái sinh của huyền thoại khai thiên lập địa đã giúp bài thơ này mang vẻ đẹp riêng, chứa đựng tầng triết lý sâu xa.

Ngoài cổ mẫu sông và biển, trong thơ Xuân Quỳnh còn những dạng thức khác của cổ mẫu nước như cổ mẫu mưa: *"Gió hóa bão, mưa thành sông thành bể/Một thoáng nhìn có thể hóa tình yêu"* (*Mùa hạ*) [16, tr.92], *"Trái đất này sẽ nhấn chìm trong mưa/Không tìm đâu một chỗ nương nhờ!"* (*Chuồn chuồn báo bão*) [16, tr.53]; cổ mẫu sóng: *"Sóng xô bờ chẳng rộn đến tâm tư"(Nếu ngày mai em không làm thơ nữa)* [16, tr.22], *"Ôi con sóng ngày xưa/Và ngày sau vẫn thế"* (*Sóng*) [16, tr.7],... Tất cả đã góp phần làm phong phú những dạng thức của cổ mẫu nước trong thơ Xuân Quỳnh.

3.2. Cổ mẫu đất

Trong văn học hiện đại Việt Nam, bên cạnh cổ mẫu nước, cổ mẫu đất cũng xuất hiện với tần suất lớn. Cội nguồn của cổ mẫu đất nằm trong những câu chuyện thần thoại mà tiêu biểu là thần thoại về Mẹ Đất Gaia vĩ đại của người Hy Lạp cổ. Tại Việt Nam, những tác phẩm văn chương ban đầu tạo dựng đầy đặn cổ mẫu đất chính là: *Đẻ đất đẻ nước* (sử thi dân tộc Mường, đất và nước được kể lại qua lời của Mụ Dạ Dền), *Con Rồng cháu Tiên* (thần thoại, đất đai núi non là quê hương của nòng Âu Cơ), *Bánh chưng bánh giầy* (truyền thuyết, đất gắn liền với hình vuông đối lập với trời gắn liền với hình tròn)... Trong tâm thức nguyên thủy, đất gắn liền với một vị thần đóng vai trò cai quản (Thổ công, Thổ địa), là chốn sinh tồn của con người. Đất có tính thiện, không ngừng chở che và bao dung đối với loài người. Bởi thế, con người thường mang tinh thần biết ơn đối với đất. Nếu cổ mẫu nước thường hiện hữu ở hình thái phát sinh (sông, sóng, biển, ao, đầm, mưa, sương, giếng,...) thì cổ mẫu đất lại hiện hữu ở dạng mẫu gốc. Một vài trường hợp hiếm hoi, cổ mẫu đất được sáng tạo qua các dạng thức khác như: mồ, huyết,... (tìm thấy trong nhiều bài thơ của Chế Lan Viên giai đoạn trước năm 1945).

Không quá khó để lọc ra cổ mẫu đất len lỏi giữa những biểu tượng nhỏ, hình tượng trong thơ Xuân Quỳnh. Bởi lẽ một trong những nét riêng thơ ca Xuân Quỳnh ít được nhắc đến là tính huyền ảo, sắc thái cổ tích, nhiều bài thơ lại được sáng tạo bằng cấu trúc huyền thoại. Trong những trường hợp đó, đất chủ yếu đóng vai trò là cổ mẫu. Thơ cách mạng của Xuân Quỳnh ra đời giữa những ngày bom rơi đạn nổ là tiếng thơ tràn đầy khát vọng. Mã Giang Lân cho rằng: *"Sau này những năm tháng chiến tranh đạn bom quyết liệt, lời ru của chị càng mênh mông thấm thiết và trở thành sức mạnh vật chất, thành chiến hào chở che"* [16, tr.196]. Về cổ mẫu đất, có thể thấy đất mang ý nghĩa về sự chở che, giải thoát và sự tái sinh. Trong nhiều bài thơ cách mạng của Xuân Quỳnh, cổ mẫu đất hiện lên qua dạng thức chiến hào, hầm sâu, hố bom - những biểu tượng lớn trong thơ ca kháng chiến: *"Chiến hào, mặt đất dọc ngang/Sẽ dài như những con đường con qua/Hầm sâu giờ quý hơn nhà/Súng là tình nghĩa, đạn là lương tâm"* (*Tuổi thơ của con*) [16, tr.23], *"Thành phố tuổi thơ gạch vữa hè đã cũ/Thành phố tuổi thanh niên hầm hố mới đào"* (*Em có đem gì theo đâu*) [18, tr.239],... Những chiến hào, hầm sâu trở thành những cổ mẫu phổ biến có nguồn gốc với cổ mẫu đất tái sinh nhiều trong thơ ca

kháng chiến (chẳng hạn như cổ mẫu hổ bom trong bài thơ *Khoảng trời - hổ bom* của Lâm Thị Mỹ Dạ). Hàm sâu, chiến hào là những dạng cổ mẫu mang ý nghĩa chở che cho sự sống con người trong chiến tranh. Nói riêng hổ bom, mặc dù nó được sinh ra từ sự hủy diệt, giết chóc, nhưng khi đi vào thơ ca kháng chiến, hổ bom (và cả chiến hào) được các nhà thơ thổi vào nguồn cảm hứng lãng mạn. Vì thế, ngay từ tên tập thơ *Hoa dọc chiến hào* của Xuân Quỳnh, độc giả vẫn nhận ra được cái đẹp hiện hình ngay trong cái điều tàn, chết chóc. Đó là ý nghĩa của sự sinh sôi. Nhiều lần cổ mẫu đất trong thơ Xuân Quỳnh mang ý nghĩa của sự sinh sôi nảy nở, là cội nguồn của sự sống, chẳng hạn như: “*Đất thì đỏ tiếng nói thì rất lạ/Miền đất chưa có gì kỷ niệm của chúng ta/Màu lá sẫm xanh, xanh đến ngẩn ngơ/Trong những hố bom giặc phá*” (*Em có đem theo gì đâu*) [17, tr.328]. Đất trong trường hợp này đã nuôi nấng cây cối, làm nên sắc xanh của tự nhiên chống chọi lại với sắc màu của tang thương, chết chóc trong cuộc chiến tranh lửa khói.

Chưa có trường hợp nào trong thơ Xuân Quỳnh cổ mẫu đất (dạng mẫu gốc) lại xuất hiện nhiều (6 lần) như trường hợp bài thơ *Lời ru trên mặt đất*: “*mặt đất*”, “*lòng đất*”, “*dưới đất*”, “*đất chung sống*”, “*đường xa tấp đất trời mệnh mông*”, “*đất qua rồi những đau thương*”,... Cổ mẫu đất trong bài thơ này đích thực đã bước ra từ huyền thoại và giữ nguyên vẹn nét nghĩa chở che, cưu mang con người. Trong cặp cổ mẫu đất - nước, nếu nước thường mang sự mong manh, yếu ớt, thì đất lại mang tính chất cứng cỏi, rắn rỏi, nâng đỡ con người. Xuân Quỳnh nghĩ về sự kỳ diệu của đất, những bí ẩn trong lòng đất. Nhà thơ tựa như “nhà khảo cổ” đi xuyên qua lòng đất để nhận ra thế giới sống được đất nuôi dưỡng ấp iu. Ở dưới lòng đất có “*ngọn lửa*” (một dạng cổ mẫu được Bachelard nghiên cứu mà công trình tiêu biểu là *Phân tâm học về lửa* năm 1938) - lửa soi sáng, lửa của sự sống; có “*cái nôi*” vỗ về giấc ngủ trẻ thơ. Đó là thế giới mà đất đã bảo bọc, giữ gìn, đất mang trong mình phẩm chất rộng lượng, nhân hậu như tư duy của người nguyên thủy về Mẹ Đất Gaia. Cổ mẫu đất trở dậy trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*, Xuân Quỳnh đã mở đầu bài thơ này bằng hình thái của một trái đất “*trụi trần*” nguyên sơ, không cỏ cây, không bóng dáng sự sống. Cổ mẫu đất đã được Xuân Quỳnh bẻ nguyên từ trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường hay bài hát *Chỉ đường* của người H'mông: “*Ngày xưa xưa ai sinh ra mặt đất/Ai tạo ra bầu trời/Kể rằng:*

Ngày xưa xưa, bà Trày tạo ra mặt đất/Ông Trày tạo ra bầu trời/Ông Trày làm trong vài ba năm/Làm được đủ mặt đất/Ông Trày làm xong ra chỗ chân trời ngó ngó. Ông Trày làm đoạn ra chỗ chân trời nhìn nhìn/Thấy bà Trày làm được mặt đất rộng thật rộng” (*Dân ca H'mông*). Tư duy của người Mường trong *Đẻ đất đẻ nước*, tư duy của người H'mông trong *Chỉ đường*, Xuân Quỳnh cũng tìm cách lý giải về sự hình thành của Trái Đất. Trong tâm thức của người Mường, “*ông Thu Tha*”, “*bà Thu Thiên*” là những người “*làm nên đất nên trời*”, “*làm nên đôi nên lứa*”; người H'mông lại nghĩ “*Ngày xưa ngày xưa, bà Trày tạo ra mặt đất*”. Còn trong thơ Xuân Quỳnh, vũ trụ (bao gồm cả đất và trời, một nửa quả trứng là đất) như một quả trứng tự nở và hình thành nên thế giới chứ không phải do một nhân vật kỳ bí nào đó như ông Thu Tha, bà Thu Thiên, bà Trày. Trong quyển *Địa đàng ở phương Đông*, Stephen Oppenheimer đã nhận xét về biểu tượng lớn quả trứng vũ trụ như sau: “*Biểu tượng quả trứng vũ trụ trôi nổi trong bóng tối hỗn độn và tách ra để tạo ra ánh sáng, bầu trời và mặt đất được tìm thấy trong Pangu, thần thoại chính Trung Quốc về sự ra đời của vũ trụ*” [18, tr.510]. Có thể thấy huyền thoại về sự hình thành trái đất đã xoắn bện thật chặt vào lãnh địa văn hóa, văn chương, nằm bên dưới lớp ngôn từ mạch lạc trong bài thơ của Xuân Quỳnh.

Cổ mẫu đất trong thơ Xuân Quỳnh không phải là thành tố tự nhiên vô tri mà ẩn chứa những linh hồn, trở thành đất thiêng, loại đất sót lại của huyền thoại. Nhận ra điều này bởi nguồn cội của cổ mẫu đất gắn liền với thần Bà Đất trong tín ngưỡng đa thần của người Việt cổ, liên quan đến nông nghiệp, tư duy lưỡng hợp (Đất Trời). Thổ Công, ông Địa hay nhiều nơi đồng nhất Thổ Công với Thần Tài cũng được thoát thai từ thần Bà Đất. Bởi suy nghĩ như thế nên con người tin rằng trong đất ẩn chứa nhiều điều kỳ bí, linh thiêng. Trong bài thơ *Màu hoa còn lại*, cổ mẫu đất được tắm tưới bởi máu của những con người đã hy sinh trong công cuộc chiến đấu bảo vệ và lao động xây dựng Tổ quốc: “*Con đường nào các anh đã đi qua/Máu thấm đất, mồ hôi đầm trăn thủ*” (*Màu hoa còn lại*) [19, tr.78]. Không gian của đất mà Xuân Quỳnh tạo dựng trong nhiều bài thơ là không gian thiêng ẩn chứa sự sống và cái chết. Có khi đất gìn giữ “*ngọn lửa*” tỏa sáng trong hầm tối của bộ đội (trường hợp bài thơ *Lời ru trên mặt đất*), có khi đất lưu lại cả “*mảnh đạn bom*” - chứng tích của chiến tranh tàn khốc, của chết

chóc, đau thương: *"Mảnh đạn bom và chất lân tinh/Đã phá sạch không còn chi nữa/Chỉ có sắt, chỉ còn có lửa/Và cuối cùng còn có đất mà thôi"* (Cổ đại) [19, tr.24]. Đặc biệt, một vài trường hợp trong thơ Xuân Quỳnh đất trở thành cội nguồn của mọi sự sống trên cõi đời, từ cỏ cây đến con người. Đất - nơi chôn nhau cắt rốn của mỗi người: *"Giữa mảnh đất của mình sinh đẻ" (Con mưa không phải của mình)* [19, tr.39]. Đất mang trong lòng mạch nước ngầm, nguồn sống mà con người khát khao tìm đến: *"Chúng tôi đào, đào suốt đêm ngày/Mọi đất đá để tìm ra nước/Đào bằng nỗi đau của con đường rạn nứt/Bằng sự trả ơn cây lúa nuôi mình"* (Con mưa không phải của mình) [19, tr.39].

Nói tóm lại, đất trong thơ Xuân Quỳnh không thu hẹp lại ở một nét nghĩa nào, càng không phải chỉ là đất vô tri như cách hiểu của các nhà địa chất học. Xác suất cổ mẫu đất ở tất cả những lần đất hiện diện trong thơ Xuân Quỳnh cao hơn so với xác suất cổ mẫu nước. Tư duy cổ mẫu đất đã góp phần làm nên diện mạo độc đáo của thơ Xuân Quỳnh.

3.3. Cổ mẫu người mẹ, người phụ nữ

Theo Carl Jung, dạng thức ban đầu của *anima* là người mẹ. Cổ mẫu người mẹ, người phụ nữ đã xuất hiện trong văn chương từ rất sớm. Chúng ta không thể quên hình ảnh của Mẹ Đất Gaia vĩ đại, vị thần Hera bảo hộ cho hôn nhân và hạnh phúc gia đình, nữ thần của sự phì nhiêu Artemis, nữ thần của trí tuệ - tri thức - chiến trận Athena... trong thần thoại Hy Lạp, đó là dạng "người nữ cổ mẫu" với những tính cách đa dạng: mẹ hiền (liên kết với nguyên lý cuộc sống, sự sinh, sự ấm áp, sự nuôi dưỡng,...), mẹ dữ (người đàn bà xấu xí, mù phù thủy, đàn bà trụy lạc, sự độc ác,...). Trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, các tác giả cho rằng cổ mẫu người mẹ *"tụng ca những phẩm tính huyền diệu của người mẹ, tìm về sự ngơi nghỉ, sự an toàn và sự tái sinh"* [20, tr.76]. Ở văn hóa - văn học dân gian Việt Nam, cổ mẫu người mẹ, người phụ nữ hiện diện phong phú như trong *Con Rồng cháu Tiên* (mẫu Âu Cơ - tổ tiên của loài người), *Hòn Vọng Phu* (người phụ nữ thủy chung bằng con đọi chồng mà hóa đá), *Tấm Cám* (mụ dì ghẻ độc ác), *Chử Đồng Tử* (công chúa Tiên Dung hiền lành), *Mai An Tiêm* (người vợ cần cù chăm chỉ), *Quan âm Thị Kính* (Thị Mầu lẳng lơ)... Những người mẹ, người phụ nữ trong các câu chuyện dân gian này mang những phẩm chất khác nhau, chẳng hạn: người phụ nữ thủy chung, người phụ nữ chịu thương chịu khó, người phụ nữ hư hỏng, người mẹ hiền lương, người mẹ dữ dằn độc ác (dì

ghẻ),... Tất cả đều trở thành những cổ mẫu quý giá và bước chân vào văn học hiện đại Việt Nam.

Trong bài viết *Cổ mẫu như liên ký hiệu văn chương*, Lê Huy Bắc cho rằng: *"Ở văn chương hậu hiện đại, cổ mẫu vẫn được tái hiện nhưng đa phần với tư cách xóa bỏ nội hàm của chúng để xây dựng một kiểu cổ mẫu mới"* [21, tr.88]. Cùng là cổ mẫu người mẹ, người phụ nữ nhưng khi đi vào thơ Xuân Quỳnh đã bị *"xóa bỏ nội hàm"*, hình thành nên những *"kiểu cổ mẫu mới"* như cách nói của Lê Huy Bắc. Xuân Quỳnh có riêng một chùm thơ viết về "phái yếu", về mẹ (mẹ của Xuân Quỳnh và khi Xuân Quỳnh trở thành một người mẹ). Trong chùm thơ đó, nhiều bài thơ có sự tái sinh của cổ mẫu người mẹ. Đi vào thơ Xuân Quỳnh, cổ mẫu người mẹ được xây dựng bằng quan niệm truyền thống rất nhân văn: người mẹ hiền lành, tảo tần, bao dung độ lượng. Tấm lòng biết ơn của Xuân Quỳnh chẳng những dành cho người mẹ sinh ra mình mà còn hướng về người mẹ của "anh" (Lưu Quang Vũ) đã cho "anh" vóc hình, nuôi nấng, chăm sóc "anh" để "anh" trưởng thành và trở thành chồng của nữ thi sĩ: *"Ngày xưa má mẹ cũng hồng/Bên anh mẹ thức lo từng cơn đau/Bây giờ tóc mẹ trắng phau/Để cho mái tóc trên đầu anh đen/Đâu con dốc nắng đường quen/Chợ xa gánh nặng mẹ lên mấy lần/Thương anh thương cả bước chân/Giống bàn chân mẹ tảo tần năm nao"* (Mẹ của anh) [22, tr.64]. Người mẹ trong bài thơ này dường như bước ra từ cổ tích, mang bóng dáng của những người mẹ trong các câu chuyện cổ tích như: *Sự tích cây vú sữa*, *Sự tích người mẹ*,... Ngoài ra, những phẩm chất của người mẹ trong những câu thơ, bài thơ trên còn là sự kế thừa từ nét đẹp của những người mẹ bao dung trong tâm thức dân tộc như Mẫu Thoải (người mẹ của nguồn nước), Mẫu Âu Cơ,...

Cổ mẫu người mẹ tảo tần đã sống mãnh liệt qua nhiều thế kỷ, từ mẫu gốc đã biến đổi không ngừng cho hợp thời đại, bối cảnh. Cổ mẫu người mẹ, người phụ nữ bị chi phối bởi tư tưởng nam quyền đã trở thành bà Tú *"Lặn lội thân cò khi quãng vắng"* nuôi chồng nuôi con trong bài thơ *Thương vợ* (Trần Tế Xương); không bị chi phối bởi những tư tưởng lạc hậu trong thơ hiện đại, trong đó có thơ Xuân Quỳnh. Tuy nhiên, cho dù bị chi phối bởi bất cứ tư tưởng nào đi nữa thì trong tâm thức của mỗi người Việt Nam hình ảnh người mẹ vẫn gắn liền với sự bao dung, lòng nhân hậu, sự lam lũ tảo tần, sẵn sàng hy sinh vì con. Cổ mẫu người mẹ đã lưu giữ lại những nét tốt đẹp đó, được tái sinh không ngừng trong thơ Xuân Quỳnh bằng sự biết

ơn, niềm tự hào: *"Giữa ngàn hoa cỏ núi sông/Giữa lòng thương mẹ mệnh mông không bờ/Chắt chiu tự những ngày xưa/Mẹ sinh anh để bây giờ cho em"* (Mẹ của anh) [22, tr.65]. Cổ mẫu người mẹ trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* được Xuân Quỳnh xây dựng bằng bút pháp của cổ tích. Người mẹ được nhắc đến ở khoảng khắc sinh thành bởi quả trứng vũ trụ. Hóa thân thành một đứa trẻ nghe câu chuyện cổ tích về loài người, qua ngòi bút của Xuân Quỳnh, sự hình thành của người mẹ trở nên nhiệm màu và kì bí: *"Nhưng còn cần cho trẻ/Tình yêu và lời ru/Cho nên mẹ sinh ra/Để bế bồng chăm sóc/Mẹ mang về tiếng hát/Từ cái bóng cái bang/Từ cái hoa rất thơm/Từ cánh cò rất trắng..."* (Chuyện cổ tích về loài người) [22, tr.59]. Có thể thấy tư duy về người mẹ của Xuân Quỳnh trong bài thơ này rất độc đáo. Thông qua những suy nghĩ ngẫm ngẫm hồn nhiên của một đứa trẻ, người mẹ trở nên vĩ đại và cao thượng hơn.

Bên cạnh cổ mẫu người mẹ, cổ mẫu người phụ nữ trong thơ Xuân Quỳnh đã được phân hóa thành những "ngôi" khác nhau: ngôi "bà", ngôi "chị", "ngôi" em,... Cổ mẫu người bà trong bài thơ *Tiếng gà trưa* mang những phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam truyền thống. Bằng những trải nghiệm tuổi thơ được sống bên bà - những kỷ niệm trong trẻo đáng quý, cổ mẫu người bà đã tái sinh trong thơ Xuân Quỳnh giữa không gian của quá khứ lung linh, không gian của tâm tưởng, của hồi ức: *"Tiếng gà trưa/Tay bà khum soi trứng/Dành từng quả chắt chiu/Cho con gà mái ấp/Cứ hàng năm hàng năm/Khi gió mùa đông tới/Bà lo đàn gà toi/Mong trời đừng sương muối..."* (Tiếng gà trưa) [22, tr.10]. Người bà được Xuân Quỳnh gọi tả với vẻ tảo tần khắc khổ, với tấm lòng rộng lượng, tình yêu thương vô bờ, chắt chiu những gì tốt đẹp nhất cho con cháu. Những nét đẹp này vốn dĩ được kế thừa từ người mẹ, người bà trong cổ tích. Người bà trong thơ Xuân Quỳnh là hiện thân của tất cả những người bà, người mẹ, nhân dân nghĩa tình ở làng quê Việt Nam.

Cổ mẫu người chị - một dạng thức của cổ mẫu người phụ nữ có mặt trong bài thơ *Tháng ba, viết cho chị*. Bài thơ là dòng hồi ức của Xuân Quỳnh về người chị với trái tim ấm áp, người đã chở che cho Xuân Quỳnh suốt những tháng năm của tuổi trẻ. Cái tôi trữ tình đã nỗ lực tìm đến những vẻ đẹp mang thiên tính nữ trong bài thơ này (và nhiều bài thơ khác). Theo Carl Jung, tính nữ tượng trưng cho *Anima* trong vô thức tập thể. Cổ mẫu người phụ nữ, nói cách khác là cổ mẫu *Linh âm* đã ngự trị

thế giới nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh. Trong đó, những hình ảnh của người chị dịu dàng với những hành động chăm sóc quan tâm em gái: *"Em trở thành bé bỏng/Trong cánh tay chị xưa"* (Tháng ba, viết cho chị) [22, tr.62], *"Chị kể chuyện thay bà"* (Tháng ba, viết cho chị) [22, tr.62], *"Thư chị hỏi cặn kẽ/Từ cái mặc cái ăn/Chị lại dặn đi đường/Quỳnh nhìn xe cẩn thận"* (Tháng ba, viết cho chị) [22, tr.61]... Những hình ảnh đó đã trở thành dấu ấn không phai trong tâm trí Xuân Quỳnh, nghĩ về chị, Xuân Quỳnh đã dành cho chị sự biết ơn và tình cảm tốt đẹp nhất. Cổ mẫu người phụ nữ luôn hiện hữu ở trạng thái tốt đẹp nhất trong thơ Xuân Quỳnh. Thông qua đây, chúng ta thấy ngòi bút Xuân Quỳnh đã bị chi phối bởi cảm hứng nữ quyền, một vấn đề được chú trọng trong xã hội hiện đại.

Cổ mẫu người phụ nữ đôi khi chính là nhân vật trữ tình "em", "tôi" - cái tôi Xuân Quỳnh. Mặc dù là một người con gái nhạy cảm, hay âu lo, trăn trở trước sự biến đổi của cuộc sống và lòng người, nhưng chưa bao giờ chúng ta nhận ra sự bi quan, tiêu cực trong thơ Xuân Quỳnh. Cổ mẫu "em" - hình ảnh phóng chiếu của Xuân Quỳnh hiện lên với sức mạnh phi thường, sống nhiệt huyết, yêu hết mình và sẵn sàng hy sinh vì một tình yêu đích thực. Đó là tâm sự của "em", người con gái có thể bất chấp mọi thứ để được thăng hoa trong tình yêu, hiến dâng bất tận cho tình yêu và người mình yêu: *"Em trở về đúng nghĩa trái tim em/Là máu thịt, đời thường ai chẳng có/Vẫn ngừng đập lúc cuộc đời không còn nữa/Nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi"* (Tự hát) [22, tr.49]. Hay trong bài thơ *Thơ viết cho mình và những người con gái khác*, nhân vật trữ tình "em" đã "tự thú" tình yêu đang cuộn trào trong lòng mình. Cổ mẫu người nữ yêu hết mình, bất chấp mọi rào cản, không e dè khi bộc bày tình cảm ít xuất hiện trong văn học dân gian Việt Nam, nhưng lại khá phổ biến trên thế giới. Trong văn học dân gian Việt Nam, hình ảnh người nữ vẫn thường hiện ra với sự dịu dàng, kín đáo, đôi khi che giấu cảm xúc thật đang diễn ra trong lòng vì những chuẩn mực mà xã hội đã quy định. Mặc dù tái sinh cổ mẫu người nữ, nhưng Xuân Quỳnh đã thổi vào hơi thở của hiện đại, xóa bỏ mọi ràng buộc để người phụ nữ có thể sống thật với cảm xúc của chính mình: *"Khi anh nói yêu em, trái tim em đập chừng mạnh quá/Mạnh đến nỗi em tưởng là nghe rõ/Tiếng tim anh đang đập vì em/Em yêu anh, em yêu anh như điên"* (Thơ viết cho mình và những người con gái khác) [22, tr.44]. Phải là người phụ nữ mạnh mẽ, táo bạo, khát khao sống và khát khao được cháy hết mình

trong tình yêu mới có thể viết ra những vần thơ nồng cháy như thế.

Cổ mẫu người mẹ, người phụ nữ đã vượt qua được sự thách thức của thời gian và tái sinh mạnh mẽ trên “*dòng sông chữ nghĩa hôm nay*” [23, tr.279]. So với cổ mẫu đất và nước thì cổ mẫu người mẹ, người phụ nữ vẫn nỗ lực giữ lại những nét nghĩa nguyên thủy. Những cổ mẫu này đóng vai trò quan trọng trong quá trình kiến tạo giá trị của thơ Xuân Quỳnh cả về phương diện nội dung lẫn nghệ thuật.

4. KẾT LUẬN

Nước, đất và người mẹ/người phụ nữ là những cổ mẫu lớn trong thơ Xuân Quỳnh nói riêng, văn học hiện đại Việt Nam nói chung. Dưới lăng kính của phê bình cổ mẫu, có thể thấy được sự tái sinh của cổ mẫu trong thơ Xuân Quỳnh ở dạng mẫu gốc và

dạng phát sinh. Từ đây, cách nhìn nhận về cuộc sống và con người, những tâm tư tình cảm của nữ sĩ Xuân Quỳnh đã được thể hiện tinh tế trong thơ ca. Việc tìm hiểu thơ Xuân Quỳnh dưới góc nhìn phê bình cổ mẫu càng khẳng định một điều: cổ mẫu đã không ngừng tái sinh cùng thời gian, là sợi dây gắn kết giữa văn học hiện đại và văn học dân gian, văn học Việt Nam và văn học thế giới. Bên cạnh đó, giải mã cổ mẫu trong thơ Xuân Quỳnh còn là con đường để truy tìm vết tích của huyền thoại còn sót lại trong văn học hiện đại. Kết quả nghiên cứu trên đã minh chứng cho việc đọc cổ mẫu trong thơ Xuân Quỳnh là hướng nghiên cứu đúng đắn, khả thi. Dưới lớp vỏ của ngôn từ thơ là những điều bất ngờ, mới mẻ, là “bảy phần chìm” của một tảng băng trôi mà chúng ta chỉ có thể tìm thấy được khi dùng những lý thuyết phê bình văn học hiện đại để soi chiếu, trong đó có lý thuyết phê bình cổ mẫu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] A.Stevens, “*Dẫn luận về Jung*” (Thái An dịch). Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức, 2020.
- [2] R.Roberson, “*A Beginner's Guide to Jungian psychology*”. New York: Red Wheel Weiser, 1992.
- [3] E.A.Bennet, “*Jung đã thực sự nói gì*” (Bùi Lưu Phi Khanh dịch). Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin, 2002.
- [4] Nhiều tác giả, “*Huyền thoại và văn học*”. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Quốc gia, 2007.
- [5] S.Freud, C.G.Jung, G.Bachelard, G.Tucci và V.Dunde, “*Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật*” (nhiều người dịch). Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin, 2000.
- [6] G.Shoeller, J.Chevalier và A.Gheerbrant, “*Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*” (Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giao, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Ngọc, Vũ Đình Phong, Nguyễn Văn Vỹ dịch). Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng, 2002.
- [7] Nhiều tác giả, “*Nghiên cứu Văn học Việt Nam - Những khả năng và thách thức*”. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Thế giới, 2009.
- [8] Nhiều tác giả, “*Xuân Quỳnh - Sóng mãi còn nổi sóng*”. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa Thông tin, 2013.
- [9] Nhiều tác giả, “*Xuân Quỳnh - Thơ và đời*”. Hà Nội: Nxb Văn học, 2011.
- [10] Nhiều tác giả, “*Xuân Quỳnh - Tác phẩm và lời bình*” (Thùy trang sưu tầm và tuyển chọn). Hà Nội: Nxb Văn học, 2015.
- [11] G.Shoeller, J.Chevalier và A.Gheerbrant, “*Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*” (Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giao, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Ngọc, Vũ Đình Phong, Nguyễn Văn Vỹ dịch). Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng, 2002.
- [12] Nhiều tác giả, “*Phê bình Bình luận văn học - Quang Dũng, Nguyễn Mỹ, Xuân Quỳnh*”. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Văn nghệ, 1995.
- [13] Nhiều tác giả, “*Xuân Quỳnh - Tác phẩm và lời bình*” (Thùy trang sưu tầm và tuyển chọn). Hà Nội: Nxb Văn học, 2015.
- [14] Nhiều tác giả, “*Xuân Quỳnh - Sóng mãi còn nổi sóng*”. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa Thông tin, 2013.
- [15] Nhiều tác giả, “*Xuân Quỳnh - Tác phẩm và lời bình*” (Thùy trang sưu tầm và tuyển chọn). Hà Nội: Nxb Văn học, 2015.
- [16] Nhiều tác giả, “*Xuân Quỳnh - Thơ và đời*”. Hà Nội: Nxb Văn học, 2011.
- [17] Nhiều tác giả, “*Xuân Quỳnh - Sóng mãi còn nổi sóng*”. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa Thông tin, 2013.
- [18] S.Oppenheimer, “*Địa đàng phương Đông*”. Hà Nội: Nxb Lao động, 2005.

[19] Nhiều tác giả, “Xuân Quỳnh - Thơ và đời”. Hà Nội: Nxb Văn học, 2011.

[20] G.Shoeller, J.Chevalier và A.Gheerbrant, “Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới” (Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giao, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Ngọc, Vũ Đình Phong, Nguyễn Văn Vỹ dịch). Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng, 2002.

[21] L.H.Bắc, “Cổ mẫu như liên kí hiệu văn

chương”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học - Viện Văn học - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 12, (2015).

[22] Nhiều tác giả, “Xuân Quỳnh - Tác phẩm và lời bình” (Thùy trang sưu tầm và tuyển chọn). Hà Nội: Nxb Văn học, 2015.

[23] Nhiều tác giả, “*Huyền thoại và văn học*”. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Quốc gia, 2007.

Identified archetypes in Xuan Quynh's poetry

Pham Khanh Duy

ABSTRACT

Xuan Quynh is one of the typical poets in Vietnam. Xuan Quynh's poetry has been loved by many people since its birth, especially young people. Besides the rich content, Xuan Quynh's poetry also opens up a unique artistic world, hiding many signs and symbols, especially the archetypal system. Realizing the appearance of archetypes in Xuan Quynh's poetry, in this article, we have identified and analyzed the expressive and aesthetic values of some archetypes in Xuan Quynh's poetry. Among the existing archetypes, we select and decipher three typical archetypes: water, earth and mother/woman. Through this, we have a solid basis to affirm the great value of Xuan Quynh's poetry.

Keywords: *archetype, archetypal criticism, poem, Xuan Quynh*

Received: 01/03/2022

Revised: 16/04/2022

Accepted for publication: 13/05/2022